

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: **116** /2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hoá gia công
với thương nhân nước ngoài**

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hoá gia công với thương nhân nước ngoài như sau:

Mục I
QUI ĐỊNH CHUNG

I. Giải thích từ ngữ

1. "Nguyên liệu gia công" bao gồm nguyên liệu chính và phụ liệu để tạo nên sản phẩm gia công.
2. "Nguyên liệu chính" là nguyên liệu tạo nên thành phần chính của sản phẩm.

3. "Phụ liệu" là phần nguyên liệu tham gia tạo nên sản phẩm gia công nhưng không phải thành phần chính của sản phẩm.

4. "Vật tư gia công" là các loại sản phẩm, bán thành phẩm tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm gia công nhưng không trực tiếp cấu thành sản phẩm gia công. Vật tư gia công bao gồm cả bao bì hoặc vật liệu làm bao bì chứa sản phẩm gia công.

5. "Phế liệu gia công" là những chất thải loại hoặc những phần cắt bỏ của nguyên liệu trong quá trình gia công một nguyên liệu hay bán thành phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn phục vụ gia công bị hư hỏng được loại ra trong quá trình sản xuất, gia công.

6. "Phế phẩm gia công" là sản phẩm không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật (qui cách, kích thước, phẩm chất, giá trị sử dụng...) theo thoả thuận của hợp đồng/ phụ lục hợp đồng gia công, bị loại ra trong quá trình gia công.

7. "Phế thải gia công" là nguyên liệu, phụ liệu bị loại ra trong quá trình gia công mà không còn giá trị sử dụng.

8. "Định mức sản xuất sản phẩm gia công theo thoả thuận trong hợp đồng" bao gồm:

8.1. "Định mức sử dụng nguyên liệu" là lượng nguyên liệu để cấu thành một đơn vị sản phẩm gia công.

8.2. "Định mức vật tư tiêu hao" là lượng vật tư tiêu hao cho sản xuất một đơn vị sản phẩm gia công.

8.3. "Tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, vật tư" là lượng nguyên liệu, vật tư hao hụt (bao gồm cả hao hụt do tạo thành phế liệu, phế phẩm, phế thải gia công) tính theo tỷ lệ % so với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm (đối với tỷ lệ hao hụt nguyên liệu) hoặc so với lượng vật tư tiêu hao trong quá trình gia công (đối với tỷ lệ hao hụt vật tư).

9. "Máy móc, thiết bị, dụng cụ gia công" là những máy móc, thiết bị, dụng cụ nằm trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm gia công. Do người thuê gia công cho người nhận gia công thuê, mượn để thực hiện hợp đồng gia công.

II. Hợp đồng gia công

1. Hình thức hợp đồng gia công

Hợp đồng gia công phải được lập thành văn bản hoặc các hình thức có giá trị tương đương văn bản bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung hợp đồng gia công

Nội dung hợp đồng gia công phải thể hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ.

3. Phụ lục hợp đồng gia công

Phụ lục hợp đồng gia công là một bộ phận không tách rời của hợp đồng gia công.

3.1. Mọi sự thay đổi, bổ sung, điều chỉnh các điều khoản của hợp đồng gia công đều phải thể hiện bằng phụ lục hợp đồng và đăng ký các phụ lục này với cơ quan hải quan trước hoặc cùng thời điểm doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng đầu tiên theo phụ lục hợp đồng đó. Riêng trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công thì chấp nhận trị giá ghi trên hoá đơn thương mại của hồ sơ nhập khẩu, không bắt buộc phải mở phụ lục điều chỉnh.

3.2. Nếu một hợp đồng gia công có thời hạn hiệu lực trên một năm thì có thể tách hợp đồng thành nhiều phụ lục để thực hiện. Thời gian thực hiện của mỗi phụ lục không quá một năm. Trường hợp đặc biệt thời gian gia công một sản phẩm vượt quá một năm thì hợp đồng gia công/phụ lục hợp đồng gia công thực hiện theo từng sản phẩm (như: gia công sửa chữa tàu biển).

III. Nơi làm thủ tục hải quan

1. Thủ tục hải quan đối với hợp đồng gia công được thực hiện tại một Chi cục Hải quan cửa khẩu/Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi có cơ sở sản xuất của doanh nghiệp thực hiện hợp đồng gia công (kể cả cơ sở gia công lại). Trường hợp có cơ sở sản xuất ở nhiều nơi thì doanh nghiệp được chọn một Chi cục Hải quan phù hợp để đăng ký làm thủ tục hải quan.

Trường hợp tại nơi có cơ sở sản xuất không có tổ chức hải quan thì doanh nghiệp có thể chọn một Chi cục Hải quan thuận tiện để đăng ký làm thủ tục hải quan.

2. Trường hợp nguyên liệu nhập khẩu để gia công có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành phải kiểm tra thực tế hàng hoá tại cửa khẩu nhập nhưng đăng ký hợp đồng gia công và đăng ký tờ khai tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thì Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập thực hiện việc kiểm tra thực tế theo đề nghị của Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu.

IV. Trách nhiệm doanh nghiệp, cơ quan Hải quan

1. Đối với doanh nghiệp:

1.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định đối với hợp đồng gia công. Khi kết thúc hợp đồng gia công hoặc hợp đồng gia công hết hiệu lực thì phải thanh lý hợp đồng và làm thủ tục thanh khoản với cơ quan Hải quan theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/1/2006 của Chính phủ.

1.2. Có sử dụng phần mềm quản lý loại hình gia công và kết nối được với cơ quan Hải quan.

1.3. Xuất trình chứng từ thanh toán tiền công của phía nước ngoài với cơ quan Hải quan để phục vụ công tác thanh khoản và kiểm tra sau thông quan khi có yêu cầu.

1.4. Khi xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, phế thải, máy móc, thiết bị thuê, mượn hướng dẫn tại điểm 6, khoản XII, Mục II, Thông tư này thì doanh nghiệp phải chủ động khai báo và làm thủ tục với cơ quan Hải quan theo quy định.

2. Đối với cơ quan Hải quan:

Áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro; bố trí cán bộ chuyên sâu theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng gia công của doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến công tác giám sát quản lý về hải quan để tạo thuận lợi và quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu nguyên vật liệu, xuất khẩu sản phẩm và thanh khoản các hợp đồng gia công.

Mục II

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP GIA CÔNG TẠI VIỆT NAM CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

I. Thủ tục đăng ký hợp đồng gia công

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

Chậm nhất 01 ngày trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên của hợp đồng gia công, doanh nghiệp đăng ký hợp đồng gia công với cơ quan Hải quan. Hồ sơ đăng ký gồm:

1.1. Hợp đồng gia công và các phụ lục hợp đồng (nếu có): nộp 02 bản chính (01 bản Hải quan lưu và 01 bản trả lại cho doanh nghiệp sau khi đăng ký hợp đồng) và 01 bản dịch tiếng Việt (nếu bằng tiếng nước ngoài, trừ tiếng Anh).

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (nếu làm thủ tục đăng ký lần đầu): nộp 01 bản sao.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc mã số thuế (nếu làm thủ tục đăng ký lần đầu): nộp 01 bản sao.

1.4. Giấy phép của Bộ Công Thương đối với hàng hoá gia công thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính.

1.5. Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (đối với trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu gia công) của Sở Tài nguyên và môi trường nơi đặt cơ sở sản xuất của doanh nghiệp cấp theo qui định tại Thông tư liên tịch số 02/2007/TT-LT-BCT-BTNMT ngày 30/8/2007 của liên Bộ-Bộ Công Thương-Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.6. Văn bản giải trình, chứng minh cơ sở sản xuất đối với doanh nghiệp nhận gia công lần đầu: nêu rõ địa chỉ trụ sở doanh nghiệp, địa chỉ cơ sở sản xuất, năng lực quản lý, năng lực sản xuất, mặt hàng sản xuất, dây chuyền trang thiết bị, công suất thiết kế...(kể cả đối với trường hợp thuê gia công lại); Số hiệu tài khoản và tên ngân hàng doanh nghiệp gửi tiền: nộp 01 bản chính.

Đối với văn bản giải trình chứng minh cơ sở sản xuất, doanh nghiệp chỉ giải trình một lần và giải trình bổ sung khi có sự thay đổi về các nội dung đã giải trình.

Từ khi đăng ký hợp đồng gia công đến khi thanh khoản xong hợp đồng gia công, nếu có sự thay đổi về pháp nhân, địa chỉ trụ sở làm việc, địa chỉ cơ sở sản xuất, doanh nghiệp phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chi cục Hải quan đang quản lý hợp đồng gia công biết.

1.7. Hợp đồng thuê gia công lại (đối với trường hợp thuê gia công lại toàn bộ sản phẩm gia công): nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính.

1.8. Bảng đăng ký nguyên liệu, vật tư cho hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng gia công theo mẫu 01/ĐKNVL-GC-Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ áp dụng khi làm thủ tục tại Chi cục Hải quan ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, thanh khoản hợp đồng gia công): nộp 02 bản chính.

2. Nhiệm vụ của cơ quan Hải quan:

2.1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

2.2. Thực hiện đăng ký hợp đồng gia công.

2.3. Trả lại cho doanh nghiệp 01 bản chính hợp đồng gia công, các chứng từ bản chính đã xuất trình.

2.4. Kiểm tra cơ sở sản xuất:

a. Trường hợp phải kiểm tra cơ sở sản xuất:

Khi doanh nghiệp đăng ký hợp đồng gia công hoặc trong quá trình sản xuất nếu cơ quan Hải quan có nghi vấn về địa chỉ, năng lực quản lý, năng lực sản xuất và các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo thực hiện hợp đồng gia công thì tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp.

b. Thời điểm kiểm tra cơ sở sản xuất:

Cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra khi cần thiết vào các thời điểm sau:

b1- Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký hợp đồng gia công với cơ quan Hải quan; hoặc

b2- Trong quá trình doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đã đăng ký.

c. Thẩm quyền quyết định kiểm tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp là lãnh đạo Chi cục Hải quan quản lý hợp đồng gia công.

d. Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện thực hiện hợp đồng gia công:

d1- Đối với trường hợp chưa đăng ký hợp đồng: Cơ quan Hải quan không thực hiện đăng ký hợp đồng gia công.

d2- Đối với trường hợp đã đăng ký hợp đồng gia công:

d2.1. Trường hợp có cơ sở sản xuất nhưng chưa đảm bảo các điều kiện sản xuất sản phẩm theo quy trình sản xuất sản phẩm thì yêu cầu doanh nghiệp có văn bản cam kết khắc phục trong thời hạn nhất định, đồng thời cơ quan Hải